TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12/01/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ

Bà Nguyễn Thị Kim Phương

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai:*** Ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 189/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1970. Nơi cư trú: 713 CCDR75166, USA.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Ngọc Hồng, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Khu phố D, phường L, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày, nội dung được tóm tắt như sau:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phạm Ngọc H tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố L, tỉnh Đồng Nai (cũ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017 ngày 12/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai - nay là phường L, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc bình thường được một thời gian thì bà B quay lại Hoa Kỳ để làm thủ tục xin bảo lãnh cho ông H cùng sang Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau khi bà B trở lại Hoa Kỳ thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung trong đời sống hôn nhân nên cả hai không còn liên lạc với nhau từ tháng 05/2023 đến nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc Hồng.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Ngọc H có lời khai xác định về thời gian chung sống; thời gian, địa điểm kết hôn; con chung; tài sản chung và nợ chung như bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày là đúng. Đồng thời, ông Phạm Ngọc H xác định cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn có nhiều mâu thuẫn, không thể hoà giải, hàn gắn và không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu ly hôn, ông đồng ý, mong Toà án sớm giải quyết cho ông, bà được ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án, cũng như tại phiên tòa, đảm bảo tính khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, đơn khởi kiện của nguyên đơn và kết quả tại phiên tòa nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phạm Ngọc H đăng ký kết hôn ngày 12/04/2017 tại Uỷ ban nhân dân thành phố L (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai). Sau kết hôn, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì bà B qua Hoa Kỳ định cư và làm thủ tục xin bảo lãnh cho ông H sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Sau đó, bà B phát hiện ông H không còn chung thủy với bà B nên hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tin tưởng lẫn nhau nên cả hai không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã không còn liên lạc với nhau từ tháng 5/2023 đến nay. Nay bà B yêu cầu được ly hôn với ông Hồng.

Lời trình bày của bà B, ông H trong quá trình thu thập chứng cứ phù hợp với nhau. Ông H cũng thừa nhận sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách sống và không có lòng tin với nhau khi bà B trở về Hoa Kỳ, nên cả hai không tìm được tiếng nói chung, đã không còn chung sống với nhau từ lâu và hai vợ chồng không thể đoàn tụ, ông H đồng ý ly hôn với bà B.

Từ những căn cứ nêu trên xác định: Tình cảm vợ chồng của bà B và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho bà B, ông H ly hôn theo yêu cầu của bà B.

Từ những phân tích trên, căn cứ quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Phạm Ngọc Hồng.

- Về con chung: Không có, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Ngọc Hồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện này thuộc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình với vụ việc được xác định là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B cư trú tại địa chỉ: 713 CCDR75166, USA; bị đơn cư trú tại địa chỉ: khu phố 4, phường L, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao, Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải và đối thoại tại Tòa án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật về hôn nhân và gia đình công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng cuộc sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân từ nhiều lý do khác nhau, hai bên không tìm được tiếng nói chung, không còn tin tưởng nhau và không còn chung sống với nhau từ năm 2023 đến nay. Bị đơn cũng xác định không còn tình cảm với nguyên đơn, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không còn chung sống với nhau đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn và không thể nào tiếp tục chung sống với nhau, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định trong thời kỳ hôn nhân không có con chung nên không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 37, 227, 228, 238, 464, 469, 476, 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 124, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản, Luật hòa giải và đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B với ông Phạm Ngọc Hồng, về việc "Ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với ông Phạm Ngọc Hồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp tại Biên lai thu tiền số biên lai thu số 0002114 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà B đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ông Phạm Ngọc H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV4 - Đồng Nai;
- Phòng THADS KV4 -ĐN;
- UBND P. L, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 36/2017 ngày 12/4/2017 của UBND TP. L cũ);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Lê Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨN PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị B Thuỷ **Nguyễn Thị Kim Phương** **Lê Thị Hoa**